



ĐK-103

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AoV
AOV QUALITY ASSURANCE JOINT STOCK COMPANY

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1078207141

Trang/ Page: 1/3

1. Phương tiện đo/ Object: **LÒ NHIỆT CHUẨN/ FIELD METROLOGY WELL**2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **FLUKE**3. Kiểu/ Model: **9142**Số nhận dạng/ ID: **62**4. Số hiệu/ SN: **B63655**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Khoảng nhiệt độ/ Temp. range: **Max. 150 °C**+ Độ phân giải/ Resolution: **0,01 °C**+ Kích thước trong/ Internal dimension: **NA**6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AoV**7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hà Nội**8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hà Nội**10. Phương pháp bảo trì/ - Maintenance method: **A10-71 - Hướng Dẫn Bảo Trì Tủ Nhiệt/ Guide on maintenance of heat chambers**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

Chuẩn/ Standards	Mã nhận dạng/ ID	Liên kết chuẩn/ Traceable to	Hiệu lực đến/ Due date
Nhiệt ẩm kế IOT / IOT Thermohygrometer	TB-543	AoV	07/2026

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[25,2 ÷ 25,4] °C**Độ ẩm/ Humidity: **[55 ÷ 57] %RH**13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **01/10/2025**14. Ngày bảo trì lại theo yêu cầu của khách hàng/
Remaintenance date as request of customer: **01/10/2026**15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A141**

- Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



Ngày/ *Date*:

Sõ/ N^0 : A1078207141



Trang/ Page: 2/3

16. Nội dung bảo trì/ *Content maintenance*

◇ Thông tin thiết bị/ Equipment information

- ☒ Đầy đủ, rõ ràng/ fully, clearly
- ☐ Không có, không rõ ràng/ Not available, not clear

16.2. Kiểm tra kỹ thuật hệ thống nhiệt/ *Technical inspection of heating system*

- ◇ Hệ thống cài đặt hiển thị hoạt động/ Display operation system

- ☒ Bình thường/ Normal
- ☐ Không bình thường/ Not normal

- ### ◆ Hệ thống gia nhiệt hoạt động/ Operation of heating system

- ☒ Bình thường/ Normal
- ☐ Không bình thường/ Not normal

16.3. Bảo trì bên trên thiết bị/ *Hygiene above*

- ◇ Vệ sinh trên nóc hoặc nắp đậy phía trên thiết bị/ Clean on the roof or top cover of the device
- ◇ Kiểm tra, vệ sinh boad điều khiển/ Check, clean controller board
- ◇ Kiểm tra, vệ sinh boad ma trận phím bấm/ Check, clean matrix key press
- ◇ Kiểm tra, vệ sinh boad màn hình hiển thị/ Check, clean board display
- ◇ Kiểm tra, vệ sinh hệ thống nguồn/ Check and clean the source system

16.4. Bảo trì bên trong khoang làm việc/ *Maintenance inside the workspace*

- ◇ Kiểm tra, vệ sinh quạt đối lưu cưỡng bức/ Check and clean the forced convection fan
- ◇ Kiểm tra, vệ sinh các khung, hộc, khoang thổi nhiệt/ Check and clean the frames, drawers and blowing chambers
- ◇ Kiểm tra, vệ sinh dàn nhôm tỏa nhiệt/ Check, clean aluminum radiator
- ◇ Kiểm tra, vệ sinh các sensor bảo vệ/ Check and clean the protective sensors
- ◇ Kiểm tra vệ sinh hệ thống gia nhiệt/ Check sanitary heating system
- ◇ Vệ sinh khoang dẫn nhiệt, quạt phân tán nhiệt/ Clean thermal conductivity compartment, heat dispersion fan
- ◇ Kiểm tra, gia cố các kết nối nguồn điện, các công tắc.../ Check, reinforce power connections, switches ...
- ◇ Kiểm tra vệ sinh hệ thống cài đặt của thiết bị/ Check, clean of the device's installation system

16.5. Bảo trì bên dưới thiết bị/ *Maintenance under of the equipment*

- ◇ Kiểm tra các kết nối nguồn điện đến các cầu nối (domino), các sensor bảo vệ, công tắc tự động, các hệ thống bảo vệ quá nhiệt/ Check power connections to bridges (dominoes), protection sensors, automatic switches, overheating protection systems.
- ◇ Kiểm tra các kết nối nguồn điện từ boad nguồn đến hệ thống điều khiển, màn hình hiển thị/ Check the power connection from the power board to the control system, display.
- ◇ Kiểm tra, vệ sinh hệ thống cài đặt, màn hình hiển thị/ Check, clean the installation system, display screen.

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AoV
AOV QUALITY ASSURANCE JOINT STOCK COMPANY

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1078207141**

Trang/ Page: 3/3



◇ Vệ sinh làm sạch vùng xung quanh/ Clean the surrounding area.

16.6. Bảo trì bên ngoài thiết bị/ Maintenance the outside the of equipment

◇ Vệ sinh xung quanh thiết bị/ Clean around the device.

◇ Vệ sinh màn hình hiển thị/ Clean the display screen.

◇ Vệ sinh hệ thống cài đặt của thiết bị/ Clean the device's installation system

16.7. Kết luận sau bảo trì/ Concluded after maintenance

◇ Thiết bị hoạt động bình thường/ The equipment operates normally

◇ Nhiệt độ chuẩn/ Standard temperature, 36.991 oC, Nhiệt độ chỉ thị/ Indication temperature, 37,00 oC

Liên kết chuẩn/ Traceability

- Các kết quả hiệu chuẩn của AoV cho các phép đo được công nhận trong giấy chứng nhận hiệu chuẩn này được liên kết tới Hệ Đo lường Quốc tế (SI) thông qua Viện Đo lường Việt Nam (VMI) hoặc phòng hiệu chuẩn áp dụng ISO/IEC 17025:2017 được ILAC công nhận./ The AoV's calibration result for the accredited measurements in this calibration certificate are traceable to the International System of Unit (SI) through a National Metrology Institute (VMI) or an ILAC recognized ISO/IEC 17025:2017 calibration laboratory.

- Hệ đơn vị được sử dụng trong GCN hiệu chuẩn này tuân theo hệ đơn vị đo lường pháp định quy định trong “Luật đo lường 2011” và “Nghị định số 86/2012/NĐ-CP”./ The unit system used in this calibration certificate complies with the system of legal unit of measurement specified in “Law on Measurement 2011” and “Decree No.86/2012/NĐ-CP”.

- Độ không đảm bảo đo chuẩn được xác định theo tài liệu ISO/IEC GUIDE 98-3:2008- GUM:1995/ The standard uncertainty is determined according to the document: ISO/IEC GUIDE 98-3:2008- GUM:1995.

Thông tin thêm/ Other informations

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument must not be used for quantifying goods or services in trade, payment, ensuring safety, protecting public health, environmental protection, inspection, judicial expertise, or other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to verify the measuring instrument of group 2.

--- Hết/ End ---

AoV

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.